

Số: /SNNMT-PTNT&QLCL
V/v hướng dẫn thực hiện rà soát hộ nghèo,
hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình,
người lao động có thu nhập thấp năm 2025

Lai Châu, ngày tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hợp nhất Thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Kế hoạch số 5199/KH-UBND ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, hướng dẫn chi tiết về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp năm 2025, cụ thể như sau:

I. Công tác tham mưu, chỉ đạo rà soát

UBND xã, phường thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (do Chủ tịch UBND cấp xã làm Trưởng ban). Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhiệm vụ:

- Tham mưu UBND xã ban hành Kế hoạch rà soát;
- Phổ biến, tuyên truyền yêu cầu, mục đích, ý nghĩa của cuộc rà soát;
- Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát; tổ chức lực lượng rà soát, phân loại, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao

động có thu nhập thấp và tổ chức bình xét dân chủ, công khai tại cộng đồng dân cư (*thôn/bản, tổ dân phố - sau đây gọi tắt là thôn*); báo cáo xin ý kiến thẩm định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*).

II. Một số lưu ý trong rà soát, đánh giá, phân loại hộ gia đình

1. Đối với rà soát, đánh giá, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:

a) Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Phụ lục III và Phụ lục IV để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A): ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng; ở khu vực thành thị, 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực thành thị;

- Hộ cận nghèo: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực thành thị.

(Trong rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: Không tiến hành đánh giá thu nhập quy ra tiền mà đánh giá thông tin và chấm điểm tài sản của hộ gia đình để ước lượng thu nhập, phân loại hộ gia đình)

2. Đối với mức chuẩn xác định hộ có mức sống trung bình

- Khu vực nông thôn (36 xã trên địa bàn tỉnh): Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị (02 phường: Đoàn Kết, Tân Phong): Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

3. Đối với mức chuẩn xác định người lao động có thu nhập thấp

Người lao động có thu nhập thấp là người lao động thuộc hộ gia đình (không bao gồm người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo), cụ thể:

- Khu vực nông thôn (36 xã trên địa bàn tỉnh): Có mức thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.250.000 đồng trở xuống.

- Khu vực thành thị (02 phường: Đoàn Kết, Tân Phong): Có mức thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 3.000.000 đồng trở xuống.

III. Các bước tiến hành rà soát

III.1. Đối với rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

1. Bước 1. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát

Danh sách hộ gia đình cần rà soát (theo Phụ lục I) bao gồm:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 (được công nhận tại quyết định phê duyệt sau rà soát cuối năm 2024);
- Hộ có Giấy đề nghị rà soát (theo Mẫu số 01).

2. Bước 2. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng thôn và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

Trong bước này, cần thực hiện những nội dung sau:

2.1. Rà soát, nhận dạng nhanh hộ gia đình (Phiếu A)

a) Mục đích: Rà soát, nhận dạng nhanh để lọc ra những hộ gia đình không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm giảm bớt áp lực, số lượng rà soát ở các bước tiếp theo.

b) Công cụ: Sử dụng Phiếu A (Phụ lục số 02).

c) Phương pháp: Đưa toàn bộ hộ gia đình cần rà soát (được lập ra tại Bước 1) vào Phiếu A - Nhận dạng nhanh hộ gia đình (theo Phụ lục II), để tiến hành đánh giá, cụ thể:

- Tại cột 0 (phần ghi chú cuối Phụ lục có 05 nội dung điều kiện để đánh giá. Đối với nội dung thứ 5, tỉnh Lai Châu không có quy định riêng, do đó tiến hành đánh giá cột 0 theo 04 nội dung điều kiện từ số 1 đến số 4): Tiến hành rà soát toàn bộ các hộ gia đình cần rà soát.

+ Nếu hộ gia đình đáp ứng một trong 04 điều kiện thì ghi mã số 0 và ngừng rà soát (Không cần rà soát, đánh giá các cột từ số 1 đến số 9 - đây là những hộ không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo).

+ Nếu hộ gia đình không đáp ứng một trong 04 điều kiện thì ghi mã số 1 và tiếp tục tiến hành rà soát, đánh giá các cột từ số 1 đến số 9.

- Tại các cột từ số 1 đến số 9: Rà soát viên trực tiếp rà soát, đánh giá từng hộ gia đình. Nếu hộ gia đình có đáp ứng tiêu nào thì ghi mã số 1 vào cột đó, nếu không đáp ứng tiêu chí thì ghi mã số 0.

- Tại cột D: cộng tổng số tiêu chí mà hộ gia đình có đáp ứng (mã số 1).

- Tại cột E:

+ Nếu hộ gia đình có từ 04 chỉ tiêu trở lên thì ghi mã số 0 và ngừng rà soát (đây là những hộ không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo);

+ Nếu hộ gia đình có dưới 4 chỉ tiêu (từ 03 chỉ tiêu trở xuống) thì ghi mã số 1 và đưa vào danh sách rà soát **phiếu B**.

2.2. Thông tin hộ gia đình; thông tin hộ gia đình về các chỉ tiêu nhu cầu xã hội cơ bản; chấm điểm tài sản để ước lượng thu nhập; bảng điểm chỉ tiêu dinh dưỡng (Phụ lục III - Phiếu B)

2.2.1. Thông tin hộ gia đình; thông tin hộ gia đình về các chỉ tiêu nhu cầu xã hội cơ bản.

a) Mẫu số III.1. Phiếu B1 - Thông tin chung về hộ gia đình

Mẫu số III.1. Phiếu B1 - Thông tin chung về hộ gia đình có 02 phần:

- Phần A. Thông tin về hộ gia đình. Tại đây, rà soát viên cần thống kê tất cả 14 mục thông tin.

- Phần B. Thông tin về thành viên hộ gia đình. Tại đây, rà soát viên cần thống kê tất cả 18 cột thông tin (không kể cột số thứ tự) theo từng thành viên trong hộ gia đình. Yêu cầu: cách ghi thông tin từng cột đảm bảo đúng theo hướng dẫn tại phần ghi chú cuối trang.

b) Mẫu số 3.2. Phiếu B2 - Thông tin hộ gia đình về các chỉ tiêu nhu cầu xã hội cơ bản (*đây là mẫu phiếu quan trọng, có vai trò phân loại hộ gia đình thuộc nhóm hộ nghèo hay là cận nghèo*).

Tại phiếu này, rà soát viên cần rà soát, đánh giá 12 chỉ tiêu thuộc 06 chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của từng hộ gia đình (đánh dấu x vào câu trả lời có và cho 10 điểm); tính tổng điểm của phiếu đối với từng hộ gia đình.

2.2.2. Chấm điểm tài sản để ước lượng thu nhập

a) Mẫu số 3.4. Bảng chấm điểm Phiếu B1 khu vực thành thị

- Bảng chấm điểm này áp dụng cho 02 phường: Đoàn Kết, Tân Phong (**đơn vị hành chính tại thời điểm rà soát - bao gồm cả các xã trước sáp nhập**)

- Tại Bảng này, rà soát viên tiến hành rà soát, thống kê, đánh giá tất cả 15 mục tiêu chí trong Bảng; tổng hợp, tính điểm cho từng hộ gia đình.

b) Mẫu số 3.6. Bảng chấm điểm Phiếu B1 khu vực nông thôn trung du và miền núi phía Bắc.

- Bảng chấm điểm này áp dụng cho 36 xã trên địa bàn tỉnh.

- Tại Bảng này, rà soát viên tiến hành rà soát, thống kê, đánh giá tất cả 14 mục tiêu chí trong Bảng; tổng hợp, tính điểm cho từng hộ gia đình.

2.2.3. Bảng điểm chỉ tiêu dinh dưỡng

Mẫu số 3.11. Bảng điểm chỉ tiêu dinh dưỡng

Bảng này thống kê mức chuẩn về chiều cao, cân nặng theo từng độ tuổi. Đây là căn cứ để rà soát viên **đối chiếu với thông tin thực tế các cột 4, 5, 6, 7 phần B. Thông tin về thành viên hộ gia đình (tại Mẫu số 3.2. Phiếu B2 - Thông tin hộ gia đình về các chỉ tiêu nhu cầu xã hội cơ bản) để xác định mức độ thiếu hụt trong chiều thiếu hụt về dịch vụ y tế (tại Mẫu số 3.2. Phiếu B2 - Thông tin hộ gia đình về các chỉ tiêu nhu cầu xã hội cơ bản).**

2.3. Hướng dẫn chi tiết về sử dụng Phụ lục II, Phụ lục III (Phiếu A và Phiếu B): Có Phụ lục IV kèm theo.

3. Bước 3. Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát

a) Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

b) Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại theo quy định tại khoản 2, điểm a và b khoản 3 Điều 4 của Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

c) Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản, có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở thôn, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã).

d) Mẫu biên bản, danh sách

- Mẫu Biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát (thực hiện theo Phụ lục V đính kèm công văn này).

- Mẫu danh sách chi tiết kèm theo Biên bản họp dân để thông báo, niêm yết công khai (thực hiện theo Mẫu số 02 đính kèm công văn này).

4. Bước 4. Niêm yết, thông báo công khai

a) Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày làm việc.

b) Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

c) Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát).

d) Mẫu danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (thực hiện theo Phụ lục VI kèm theo công văn này).

5. Bước 5. Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Sau khi niêm yết công khai kết quả rà soát và tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (***thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường***).

6. Bước 6. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo

Sau khi có ý kiến trả lời của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo Mẫu số 03 và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 04 (Mẫu số 03, 04 ban hành kèm theo công văn này).

III.2. Đối với rà soát, công nhận hộ làm nghề nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình; người lao động có thu nhập thấp

Việc rà soát, công nhận hộ làm nghề nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình; người lao động có thu nhập thấp thực hiện khi có đơn đề nghị của hộ gia đình. Các bước thực hiện như sau:

1. Hộ gia đình có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo công văn này) nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức xác định thu nhập của hộ gia đình (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo công văn này); niêm yết, thông báo công khai kết quả tại trụ sở xã trong thời gian 05 ngày làm việc, tổ chức phúc tra trong thời gian 03 ngày làm việc (nếu có khiếu nại) và quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình hoặc người lao động có thu nhập thấp (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo công văn này) trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát. Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

IV. Về báo cáo kết quả rà soát

Đề nghị UBND các xã, phường thực hiện theo quy định tại Kế hoạch số 5199/KH-UBND ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

(Có biểu mẫu báo cáo gửi kèm theo)

Trên đây là nội dung hướng dẫn thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vấn đề

cần trao đổi, đề nghị liên hệ với đồng chí Hoàng Tiến Lợi (*số điện thoại/zalo: 0968899544*)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, PTNT&QLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vương Đức Lợi